

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Hương

2. Bà Võ Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1991; Thường trú: Số B, đường H, tổ M, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi ở hiện nay: Nhà trọ số nhà M đường Đ thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Ch, sinh năm 1989; Thường trú: Số B, đường H, tổ M, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi ở hiện nay: Nhà trọ M đường Đ thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Anh C, chị Ch có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Phạm Thị Ch tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm thì năm 2013 tổ chức lễ cưới, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2014, quyền số 01/2014 ngày 02/7/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ vợ ở huyện L, tỉnh Đồng Nai, đến năm 2016 vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ anh C ở Số B, đường H, tổ M,

thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đến năm 2020, vợ chồng ra ở trọ tại Nhà trọ số nhà M thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh C đi làm thường tụ tập bạn bè chơi đánh bài, chị Ch thường tỏ thái độ không hài lòng. Còn chị Ch thường tụ tập bạn bè uống bia rượu, vì vậy nên bạn bè anh C nói ra nói vào làm anh C cảm thấy vợ mình không giữ thể diện cho mình, để bạn bè cười chê anh. Mặc dù chị Ch như vậy nhưng anh C không nói thẳng với chị mà chỉ tỏ thái độ khó chịu, có thể vì vậy chị Ch không hiểu mà vẫn tiếp tục uống bia rượu. Bình thường chị Ch vẫn chăm lo cho con và chăm sóc gia đình tốt. Tuy nhiên, có những lần đi chơi nếu lúc đó không có anh C ở nhà, chị Ch sẽ khóa cửa để con trong nhà và đi đến gần sáng. Anh C không hài lòng về chuyện này, vì là một người mẹ của hai con, chị Ch còn ham chơi và để con nhỏ ở nhà không ai trông coi là nguy hiểm tới con. Từ lúc anh C nộp đơn ly hôn đến nay, chị Ch vẫn còn tụ tập bạn bè để uống bia rượu, nên anh C không thể chấp nhận được chuyện như vậy. Trước khi nộp đơn, anh chị vẫn sống chung nhà, không ly thân, hai vợ chồng vẫn đi làm và kiếm tiền lo cho gia đình và vẫn cùng nhau chăm sóc con cái. Tuy nhiên, từ ngày 21/4/2022 cho đến nay, chị Ch đã dọn hết đồ đạc cá nhân về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở huyện L, tỉnh Đồng Nai. Để các con lại cho anh C chăm sóc.

Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, anh C yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đức Minh H, sinh ngày 27/7/2013 và Trần Ngọc Phương Th1, sinh ngày 24/10/2017. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 21/4/2022, bị đơn chị Phạm Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh Trần Văn C tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì năm 2013 tổ chức lễ cưới, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2014, quyển số 01/2014 ngày 02/7/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ chị Ch tại huyện L, tỉnh Đồng Nai, đến năm 2016 thì vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ anh C ở Số B, đường H, tổ M, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đến năm 2020, vợ chồng ra ở trọ tại Nhà trọ số nhà M thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh C đi làm thường tụ tập bạn bè chơi đánh bài, còn chị Ch khi đi làm có quen biết bạn bè nên có vài lần uống rượu bia với những người bạn này. Việc anh C chơi như vậy chị Ch có nhiều lần nói nhưng anh C không thay đổi, còn việc chị Ch uống rượu chỉ là cho vui chứ chị Ch vẫn chăm lo tốt cho con và gia đình nhưng anh C không hài lòng, tuy không nói ra nhưng anh C luôn tỏ thái độ khó chịu, cho rằng chị Ch không tôn trọng anh, làm chị Ch không hiểu vì sao anh lại như vậy. Cho đến khi anh nộp đơn ly hôn thì chị Ch mới biết nguyên nhân ly hôn là do chị Ch đi uống bia rượu như vậy, chị Ch đã thay đổi kể từ đó. Anh chị vẫn sống chung nhà, không ly thân, vợ chồng vẫn đi làm và kiếm tiền lo cho gia đình và vẫn cùng

nhau chăm sóc con cái. Chị Ch nhận thấy mình chưa làm gì sai đối với chồng con, chị Ch vẫn đi làm kiếm tiền, về nhà thì chăm lo cho anh C cùng 02 con. Nếu anh C muốn ly hôn, thì chị Ch yêu cầu anh C phải nói ra được những điều chị Ch đã sai để chị còn biết và thay đổi.

Nay chị Ch xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì vậy, chị Ch không đồng ý với yêu cầu được ly hôn của anh Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đức Minh H, sinh ngày 27/7/2013 và Trần Ngọc Phương Th1, sinh ngày 24/10/2017. Vì không đồng ý ly hôn nên chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 13/5/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Ch tại địa phương và được cung cấp: Vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Ch cùng 02 con nhỏ đến thuê phòng trọ tại nhà ông Lê Văn T. Anh C là lái xe, chị Ch là công nhân. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có cãi nhau lời qua tiếng lại nhưng không biết vì nguyên nhân gì. Đã 02 tháng nay, chị Ch không còn ở tại phòng trọ, có nghe nói chị Ch về nhà mẹ ruột tại huyện L, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Chỉ còn anh C và 02 con còn sinh sống tại đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2013, anh C, chị Ch kết hôn có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C, chị Ch đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, cách đây khoảng 02 tháng, chị Ch đã về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của anh C, chị Ch không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh C yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đức Minh H, sinh ngày 27/7/2013 và Trần Ngọc Phương Th1, sinh ngày 24/10/2017, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết là có cơ sở; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Phạm Thị Ch có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì năm 2013 tổ chức lễ cưới, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2014, quyền số 01/2014 ngày 02/7/2014, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của anh C và chị Ch, vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh C đi làm thường tụ tập bạn bè chơi đánh bài, còn chị Ch khi đi làm có quen biết bạn bè nên có vài lần uống rượu bia với những người bạn này. Chị Ch trình bày, việc anh C chơi như vậy chị Ch có nhiều lần nói nhưng anh C không thay đổi, còn việc chị Ch uống rượu thì tuy không nói ra nhưng anh C luôn tỏ thái độ khó chịu, cho rằng chị Ch không tôn trọng anh, làm chị Ch không hiểu vì sao anh lại như vậy. Cho đến khi anh nộp đơn ly hôn thì chị Ch mới biết nguyên nhân ly hôn là do chị Ch đi uống bia rượu như vậy. Tuy vậy nhưng anh chị vẫn sống chung nhà, không ly thân, vợ chồng vẫn đi làm và kiếm tiền lo cho gia đình và vẫn cùng nhau chăm sóc con cái. Từ đó khẳng định, trong cuộc sống hàng ngày, anh C và chị Ch đã không tôn trọng nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung và không cùng quan điểm sống. Chị Ch trình bày vẫn còn thương yêu anh C, tuy nhiên hiện nay, chị Ch đã về nhà mẹ ruột sinh sống được 01 thời gian, vợ chồng không còn quan tâm, cùng nhau chăm sóc con cái. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị Ch đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị Ch là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đức Minh H, sinh ngày 27/7/2013 và Trần Ngọc Phương Th1, sinh ngày 24/10/2017. Anh C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết là có cơ sở.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của anh Trần Văn C đối với chị Phạm Thị Ch. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C đối với chị Phạm Thị Ch về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C được ly hôn với chị Phạm Thị Ch.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đức Minh H, sinh ngày 27/7/2013 và Trần Ngọc Phương Th1, sinh ngày 24/10/2017, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009337 ngày 18/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh Trần Văn C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung